|  |  |
| --- | --- |
|  | TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT  **KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH**  **BỘ MÔN QUẢN LÝ CÔNG** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Thông tin tổng quát:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên học phần tiếng Việt** | **KIỂM SOÁT TRONG QUẢN LÝ CÔNG** |
| **Tên học phần tiếng Anh** | **CONTROL IN PUBLIC MANAGEMENT** |
| **Mã học phần** | BBU 402501 |
| Thuộc khối kiến thức | 🗹 Kiến thức chuyên ngành   |  |  | | --- | --- | | 🗹 Bắt buộc | 🞎 Tự chọn | |
| Trình độ | Đại học |
| Ngành học | Quản lý công |
| Khóa học | 2025 - 2029 |
| Năm học | 2027 - 2028 |
| Học kỳ | II |
| Số tín chỉ | 03 tín chỉ  Lý thuyết (15 tiết/tín chỉ): 03  Thực hành, thí nghiệm, thảo luận (30 tiết/tín chỉ):  Tự học, tự nghiên cứu (30 giờ/tín chỉ): |
| Học phần tiên quyết | Không |
| Học phần trước | Tổ chức bộ máy nhà nước |
| Học phần sau | Không |
| Học phần song hành | Không |
| Ngôn ngữ sử dụng trong giảng dạy | Tiếng Việt |
| Các giảng viên phụ trách giảng dạy | ThS. Lê Đức Lãm |
| Các giảng viên trợ giảng | TS. Nguyễn Đình Thái |

**2. Mô tả học phần**

Học phần Kiểm soát trong quản lý công (KSQLC) cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hoạt động kiểm soát trong quản lý công: khái niệm, sự cần thiết phải thực hiện kiểm soát trong quản lý công; hình thức kiểm soát bên trong và bên ngoài trong quản lý công, v.v… Từ đó, sinh viên có khả năng nhận thức, nắm rõ vai trò của hoạt động kiểm soát, các hình thức kiểm soát cụ thể để ứng dụng trong hoạt động thực tiễn quản lý.

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động kiểm soát trong khu vực công, bao gồm khái niệm, nguyên tắc, vai trò và giá trị của kiểm soát nhằm đảm bảo minh bạch, hiệu quả và trách nhiệm giải trình trong quản lý nhà nước. Việc kiểm soát giúp nâng cao chất lượng hoạt động công vụ, phòng chống tham nhũng và tối ưu hóa việc thực thi chính sách công.

Nội dung học phần bao gồm các vấn đề cốt lõi như tổng quan về kiểm soát quản lý công, các chủ thể thực hiện kiểm soát, cũng như các phương thức kiểm soát bên trong và bên ngoài. Bên cạnh đó, học phần cũng giới thiệu các công cụ hỗ trợ kiểm soát như pháp luật, kiểm toán, giám sát xã hội và ứng dụng công nghệ trong quản lý công.

Ngoài ra, học phần còn đề cập đến các phương pháp đánh giá hoạt động kiểm soát thông qua các nguyên tắc, tiêu chí cụ thể và các mô hình đánh giá phổ biến như PAR Index, PAPI, SIPAS. Qua đó, sinh viên có thể vận dụng kiến thức để phân tích, đánh giá và đề xuất các giải pháp kiểm soát phù hợp trong thực tiễn quản lý nhà nước, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động công vụ.

**3. Tài liệu học tập**

***3.1. Giáo trình:***

1. Lương Thanh Cường. (2021). *Giáo trình Kiểm soát Quản lý công* (2021), Học viện Hành chính Quốc gia. NXB Bách khoa Hà Nội. Hà Nội.

***3.2. Tài liệu khác:***

1. Trần Văn Trung*.* (2023). *Tổng quan về Quản lý công.* NXB ĐHQG-HCM.

2. Nguyễn Thị Phương Hoa. (2011). *Giáo trình kiểm soát quản lý.* NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

3. Nguyễn Long Hải. (2017). *Thể chế pháp lý về kiểm soát quyền lực nhà nước ở Việt Nam.* NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

4. Tricker, Bob. (2025). *Kiểm soát quản trị*, Oxford University Press.

**4. Mục tiêu học phần**

| **Mục tiêu**  **(COx) (1)** | **Mô tả mục tiêu**  **(2)** | **CĐR của học phần**  **(CLOx) (3)** | **TĐNL**  **(4)** |
| --- | --- | --- | --- |
| CO1 | Trang bị kiến thức cơ bản về hoạt động kiểm soát trong quản lý công: khái niệm, nguyên tắc, vai trò, giá trị và sự cần thiết của KSQLC; phân biệt các hình thức và công cụ kiểm soát. | CLO1 | 3 |
| CO2 | Phát triển năng lực phân tích, đánh giá và vận dụng các phương thức, công cụ kiểm soát; sử dụng mô hình, tiêu chí để đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp trong QLC. | CLO2 | 3 |
| CO3 | Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức công vụ, tinh thần trách nhiệm, tính minh bạch và liêm chính trong hoạt động kiểm soát công; hình thành ý thức nghề nghiệp. | CLO3 | 4 |

**5. Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐR (CLOx)**  **(1)** | **Mô tả CĐR**  **(2)** | **Mức độ giảng dạy**  **(I, T, U)**  **(2)** |
| **CLO1** | Hiểu và trình bày được khái niệm, nguyên tắc, vai trò, chủ thể và các hình thức kiểm soát trong quản lý công. | I, T |
| **CLO2** | Vận dụng được các phương thức, công cụ và mô hình đánh giá kiểm soát (PAR Index, PAPI, SIPAS…) để phân tích, giải quyết tình huống thực tiễn. | T, U |
| **CLO3** | Thể hiện được tinh thần trách nhiệm, chuẩn mực đạo đức công vụ, thái độ minh bạch, liêm chính trong hoạt động kiểm soát công. | T, U |

**6. Đánh giá học phần**

- Yêu cầu chung của học phần theo quy chế:

+ Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi, đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

+ Điểm thành phần: kết quả học tập một học phần được đánh giá theo quá trình học tập, thể hiện bởi các điểm thành phần được làm tròn tới một chữ số thập phân.

+ Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn tới một chữ số thập phân.

*(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của học phần)*

| **Thành phần đánh giá (1)** | **Bài đánh giá (Ax.x) (2)** | **CĐR môn học (CLOx) (3)** | **Tiêu chí đánh giá (4)** | **Thời lượng đánh giá (5)** | **Trọng số (6)** | **Trọng số con (7)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **A1. Đánh giá quá trình** | **A1.1**: Tham gia học tập trên lớp, thảo luận, chuẩn bị bài | CLO1, CLO3 | Đi học đầy đủ, đúng giờ, tuân thủ nội quy, phát biểu tích cực, thái độ học tập nghiêm túc | Theo buổi học | 10% | 30% |
| **A1.2**: Tham gia thảo luận, làm bài tập tình huống | CLO2, CLO3 | Mức độ tham gia, lập luận, phản biện, tính logic, tinh thần hợp tác | 30 – 45 phút/buổi | 15% | 40% |
| **A1.3**: Bài tập nhóm/chuẩn bị thuyết trình | CLO1, CLO2, | Hoàn thành đúng hạn, nội dung phù hợp, hình thức trình bày rõ ràng | 60 phút (ở nhà/trên lớp) | 15% | 30% |
| **A2. Đánh giá giữa kỳ** | **A2.1**: Thuyết trình nhóm | CLO1, CLO2,  CLO3 | Nội dung chính xác, phân tích hợp lý, kỹ năng trình bày, phối hợp nhóm, thái độ trách nhiệm | 30 - 60 phút/nhóm | 20% | 100% |
| **A3. Đánh giá cuối kỳ** | **A3.1**: Thi cuối kỳ (tự luận, không sử dụng tài liệu) | CLO1, CLO2, CLO3 | Hiểu và phân tích toàn diện kiến thức, khả năng vận dụng mô hình/công cụ kiểm soát, lập luận logic, thể hiện trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp | 75 phút | 50% | 100% |

- Thang điểm đánh giá: theo thang điểm 10, thang điểm 100 hoặc thang điểm 4 được dùng để ghi nhận và phân loại kết quả đánh giá. Thang điểm và cách xếp loại kết quả học tập được thực hiện như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Xếp loại** | **Thang điểm hệ 10** | **Thang điểm hệ 100** | **Thang điểm hệ 4** | |
| **Điểm số** | **Điểm chữ** |
| Xuất sắc | Từ 9,0 đến 10,0 | Từ 90 đến 100 | 4,0 | A+ |
| Giỏi | Từ 8,0 đến cận 9,0 | Từ 80 đến cận 90 | 3,5 | A |
| Khá | Từ 7,0 đến cận 8,0 | Từ 70 đến cận 80 | 3,0 | B+ |
| Trung bình khá | Từ 6,0 đến cận 7,0 | Từ 60 đến cận 70 | 2,5 | B |
| Trung bình | Từ 5,0 đến cận 6,0 | Từ 50 đến cận 60 | 2,0 | C |
| Yếu | Từ 4,0 đến cận 5,0 | Từ 40 đến cận 50 | 1,5 | D+ |
| Kém | Từ 3,0 đến cận 4,0 | Từ 30 đến cận 40 | 1,0 | D |
| < 3,0 | Dưới 30 | 0,0 | F |

- Học phần có điểm từ 5,0 trở lên được xem là học phần đạt, số tín chỉ của học phần này được tính là số tín chỉ tích lũy.

**7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết**

| *(***TUẦN**  **WEEK** | **NỘI DUNG**  **CONTENT** | **CHUẨN ĐẦU RA**  **DETAILED OUTCOME** | **HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**  **TEACHING AND LEARNING ACTIVITIES** | **HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ**  **ASSESSMENT EVIDENCE** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | **Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KIỂM SOÁT**  **QUẢN LÝ CÔNG**  **I. Khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc kiểm soát quản lý công (KSQLC)**  ***1. Khái niệm KSQLC***  *1.1. Khái niệm QLC*  *1.2. Khái niệm KSQLC*  ***2. Đặc điểm của KSQLC***  *2.1. Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình*  *2.2. Tính pháp lý và chuẩn mực*  *2.3. Tính toàn diện và liên tục*  *2.4. Tính khách quan và độc lập*  *2.5. Tính hiệu lực và hiệu quả*  *2.6. Tính phối hợp và hợp tác*  *2.7. Tính sáng tạo và thích ứng*  **3. Nguyên tắc kiểm soát QLC**  *3.1. Tuân thủ pháp luật*  *3.2. Chính xác, khách quan*  *3.3. Công khai, minh bạch*  *3.4. Đảm bảo sự đồng bộ*  *3.5. Tập trung vào các điểm thiết yếu*  *3.6. Đảm bảo sự hiệu quả*  ***\*Tình huống/câu hỏi thảo luận nhóm***  ***\* Giao đề tài thuyết trình cho các nhóm*** | CLO1 | **Giảng viên:**  - Giới thiệu học phần, quy định hoạt động của học phần.  - Trình chiếu kết hợp thuyết giảng.  - Nêu tình huống/câu hỏi thảo luận cho nhóm.  **SV:**  - Lắng nghe giảng viên thuyết giảng; ghi chép đầy đủ.  - Thảo luận nhóm nhỏ, trình bày kết quả thảo luận. | A1.1. Chuyên cần  A1.2. Kết quả thảo luận trên lớp |
| **2** | **Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KIỂM SOÁT**  **QUẢN LÝ CÔNG (tt)**  **II. Chủ thể của kiểm soát quản lý công**  ***1. Nhân dân***  ***2. Đảng chính trị***  ***3. Cơ quan quyền lực nhà nước***  *3.1. Quốc hội*  *3.2. Chính phủ*  *3.3. Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân*  *3.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*  ***4. Các chủ thể khác***  *4.1. Công đoàn*  *4.2. Hội đồng nhân dân*  *4.3. Các tổ chức chính trị - xã hội khác*  **III. Tính tất yếu, vai trò, giá trị của kiểm soát quản lý công**  ***1. Tính tất yếu của KSQLC***  ***2. Vai trò của KSQLC***  ***3. Giá trị của KSQLC***  ***\* \*Tình huống/câu hỏi thảo luận nhóm*** | CLO1, CLO3 | **Giảng viên:**  - Ôn lại bài cũ  - Trình chiếu kết hợp thuyết giảng.  - Nêu tình huống/câu hỏi thảo luận cho nhóm.  **SV:**  - Lắng nghe giảng viên thuyết giảng; ghi chép đầy đủ.  - Thảo luận nhóm nhỏ, trình bày kết quả thảo luận. | A1.1. Chuyên cần  A1.2. Kết quả thảo luận trên lớp |
| **3** | **Chương 2. PHƯƠNG THỨC, CÔNG CỤ KIỂM SOÁT**  **QUẢN LÝ CÔNG**  **I. Phương thức kiểm soát quản lý công**  ***1. Phương thức kiểm soát từ bên ngoài QLC***  *1.1. Giám sát của các cơ quan nhà nước*  1.1.1. Giám sát của các cơ quan quyền lực nhà nước  a. Quốc hội  b. Hội đồng nhân dân  1.1.2. Giám sát của các cơ quan nhà nước khác  a. Kiểm toán  b. Các cơ quan tư pháp  c. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam  *1.2. Kiểm soát QLC của các chủ thể ngoài nhà nước*  1.2.1. Kiểm tra, giám sát của tổ chức Đảng  1.2.2. Giám sát của các tổ chức chính trị - xã hội  1.2.3. Giám sát của công dân và dư luận  ***\* Bài tập thảo luận nhóm tại lớp*** | CLO1, CLO2 | **Giảng viên:**  - Ôn lại bài cũ  - Trình chiếu kết hợp thuyết giảng.  - Nêu tình huống/câu hỏi thảo luận cho nhóm.  **SV:**  - Lắng nghe giảng viên thuyết giảng; ghi chép đầy đủ.  - Thảo luận nhóm nhỏ, trình bày kết quả thảo luận. | A1.1. Chuyên cần  A1.2. Kết quả thảo luận trên lớp |
| **4** | **Chương 2. PHƯƠNG THỨC, CÔNG CỤ KIỂM SOÁT**  **QUẢN LÝ CÔNG (tt)**  ***2. Phương thức kiểm soát bên trong QLC***  *2.1. Thanh tra*  2.1.1. Khái niệm  2.1.2. Đặc điểm  2.1.3. Vai trò của Thanh tra  2.1.4. Các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động Thanh tra  2.1.5. Các hình thức Thanh tra  2.1.6. Các phương pháp Thanh tra  2.1.7. Các công cụ Thanh tra  2.1.8. Quy trình Thanh tra  *2.2. Kiểm tra*  2.2.1. Khái niệm  2.2.2. Đặc điểm của kiểm tra  2.2.3. Quy trình kiểm tra  ***\* Bài tập thảo luận nhóm tại lớp*** | CLO1, CLO2 | **Giảng viên:**  - Ôn lại bài cũ  - Trình chiếu kết hợp thuyết giảng.  - Nêu tình huống/câu hỏi thảo luận cho nhóm.  **SV:**  - Lắng nghe giảng viên thuyết giảng; ghi chép đầy đủ.  - Thảo luận nhóm nhỏ, trình bày kết quả thảo luận. | A1.1. Chuyên cần  A1.2. Kết quả thảo luận trên lớp |
| **5** | **Chương 2. PHƯƠNG THỨC, CÔNG CỤ KIỂM SOÁT**  **QUẢN LÝ CÔNG (tt)**  **II. Công cụ kiểm soát quản lý công**  ***1. Pháp luật***  *1.1. Đối với các chủ thể ngoài nhà nước*  *1.2. Đối với các cơ quan nhà nước*  ***2. Truyền thông***  *2.1. Báo chí*  *2.2. Mạng xã hội*  *2.3. Các hình thức truyền thông khác*  ***3. Các công cụ khác***  *3.1. Trưng cầu ý dân*  *3.2. Khiếu nại, tố cáo*  *3.3. Chất vấn, bỏ phiếu bất tín nhiệm*  ***\* Bài tập thảo luận nhóm tại lớp*** | CLO1, CLO2 | **Giảng viên:**  - Ôn lại bài cũ  - Trình chiếu kết hợp thuyết giảng.  - Nêu tình huống/câu hỏi thảo luận cho nhóm.  **SV:**  - Lắng nghe giảng viên thuyết giảng; ghi chép đầy đủ.  - Thảo luận nhóm nhỏ, trình bày kết quả thảo luận. | A1.1. Chuyên cần  A1.2. Kết quả thảo luận trên lớp |
| **6** | **Chương 3.**  **ĐÁNH GIÁ KIỂM SOÁT**  **QUẢN LÝ CÔNG**  **I. Mục đích, vai trò của đánh giá KSQLC**  ***1. Khái niệm đánh giá KSQLC***  ***2. Mục đích đánh giá KSQLC***  *2.1. Đánh giá chất lượng, hiệu quả của hoạt động KSQLC*  *2.2. Đánh giá năng lực của chủ thể KSQLC*  *2.3. Đánh giá các yếu tố tác động đến KSQLC*  ***3. Vai trò của đánh giá KSQLC***  *3.1. Xuất phát từ yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa*  *3.2. Xuất phát từ yêu cầu kiểm soát quyền lực nhà nước*  *3.3. Xuất phát từ yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức*  *3.4. Xuất phát từ yêu cầu của đời sống kinh tế - xã hội*  ***\* Bài tập thảo luận nhóm tại lớp*** | CLO1,  CLO2 | **Giảng viên:**  - Ôn lại bài cũ  - Trình chiếu kết hợp thuyết giảng.  - Nêu tình huống/câu hỏi thảo luận cho nhóm.  **SV:**  - Lắng nghe giảng viên thuyết giảng; ghi chép đầy đủ.  - Thảo luận nhóm nhỏ, trình bày kết quả thảo luận. | A1.1. Chuyên cần  A1.2. Kết quả thảo luận trên lớp |
| **7** | **Chương 3.**  **ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT QUẢN LÝ CÔNG**  **II. Nguyên tắc, tiêu chí đánh giá KSQLC**  ***1. Nguyên tắc đánh giá KSQLC***  *1.1. Toàn diện*  *1.2. Chính xác*  *1.3. Khách quan*  *1.4. Công bằng*  *1.5. Công khai*  *1.6. Dân chủ*  ***2. Tiêu chí đánh giá KSQLC***  *2.1. Tính hiệu quả*  *2.2. Tính hiệu suất*  *2.3. Tính minh bạch*  *2.4. Tính hợp pháp*  *2.5. Tính công bằng*  *2.6. Tính độc lập*  *2.7. Tính thích ứng*  *2.8. Tính hiệu lực*  *2.9. Sự tham gia của các bên liên quan*  *2.10. Tính bền vững*  ***\* Bài tập thảo luận nhóm tại lớp*** | CLO1,  CLO2 | **Giảng viên:**  - Ôn lại bài cũ  - Trình chiếu kết hợp thuyết giảng.  - Nêu tình huống/câu hỏi thảo luận cho nhóm.  **SV:**  - Lắng nghe giảng viên thuyết giảng; ghi chép đầy đủ.  - Thảo luận nhóm nhỏ, trình bày kết quả thảo luận.  - Chuẩn bị buổi thuyết trình | A1.1. Chuyên cần  A1.2. Kết quả thảo luận trên lớp |
| **8** | **Chương 3.**  **ĐÁNH GIÁ KIỂM SOÁT**  **QUẢN LÝ CÔNG (tt)**  ***Các nhóm thuyết trình về các mô hình đánh giá KSQLC:***  *1. Chỉ số Cải cách hành chính - PAR Index*  *2. Bộ chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công cấp tỉnh – PAPI* | CLO2,  CLO3 | **Giảng viên:**  Tổ chức cho sinh viên thuyết trình;  - Đặt câu hỏi phản biện, nhận xét kết quả thuyết trình.  **Sinh viên:**  Thuyết trình nhóm tham gia phản biện chéo, liên hệ thực tiễn quản lý công tại VN. | A1.1. Chuyên cần  A2.1. Kết quả trình bày thuyết trình |
| **9** | **Chương 3.**  **ĐÁNH GIÁ KIỂM SOÁT**  **QUẢN LÝ CÔNG (tt)**  ***Các nhóm thuyết trình về các mô hình đánh giá KSQLC:***  *3. Chỉ số SIPAS - Sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với dịch vụ hành chính công*  *4. Chỉ số PCI – Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh* | CLO2,  CLO3 | **Giảng viên:**  Tổ chức cho sinh viên thuyết trình;  - Đặt câu hỏi phản biện, nhận xét kết quả thuyết trình.  **Sinh viên:**  Thuyết trình nhóm tham gia phản biện chéo, liên hệ thực tiễn quản lý công tại VN. | A1.1. Chuyên cần  A2.1. Kết quả trình bày thuyết trình |
| **10** | **ÔN TẬP**  ***1. Ôn tập***  - Hệ thống hóa kiến thức  - Các vấn đề trọng tâm  - Cách thức ôn tập  - Cách thức làm bài thi và kỹ năng làm bài thi | CLO1, CLO2, CLO3 | **Giảng viên:**  Tổng hợp, hệ thống hóa kiến thức;  - Gợi ý nội dung trọng tâm;  - Hướng dẫn kỹ năng làm bài thi.  **Sinh viên:**  - Tự hệ thống hóa kiến thức;  - Ghi chép, đặt câu hỏi. | A1.1: Chuyên cần  A3.1: Ôn tập, chuẩn bị cho thi cuối kỳ |

**8. Tổng thời lượng học tập**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức** | **Hoạt động dạy và học** | **Số lần** | **Thời lượng (giờ)** | **Tổng thời lượng (giờ)** |
| ﻿Thời lượng học trên lớp (bao gồm cả tuần thi) | Giảng dạy theo kế hoạch (6 buổi lý thuyết + 3 buổi thuyết trình) | 9 | 4,5 | 40,5 |
| Kiểm tra/ôn tập cuối kỳ (1 buổi) | 1 | 4,5 | 4,5 |
| Tự học ngoài giờ | Đọc tài liệu, chuẩn bị bài trước giờ học | 10 | 3 | 30 |
| Bài tập tình huống nhóm (A1.1, A1.2, A1.3) | 7 | 3 | 21 |
| Chuẩn bị thuyết trình nhóm (A2.1) | 1 | 8 | 8 |
| Thuyết trình nhóm | 8 | 3,75 | 30 |
| Ôn tập, chuẩn bị thi cuối kỳ | 1 | 16 | 16 |
|  | Thi viết cuối kỳ (A3.1) | 1 | 2 | 2 |
| **Tổng thời lượng/150 giờ** | |  |  | **150** |
| **﻿ Chuyển đổi tín chỉ theo ECTS** | |  |  | **3** |

**9. Quy định của học phần**

(Các quy định của học phần (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ…)

***9.1. Quy định về tham dự lớp học***

Sinh viên có nhiệm vụ tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp phải nghỉ học vì lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Các quy định khác theo quy định chung của Trường Đại học Kinh tế - Luật.

***9.2. Quy định về hành vi trong lớp học***

Khóa học được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.

Tuyệt đối không được ăn, uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị điện tử như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

***9.3. Quy định về học vụ***

Lớp học được phân chia thành các nhóm, mỗi nhóm được nhận một đề tài/bài tập tình huống trong phạm vi học phần và do giảng viên đề xuất.

Phương pháp đánh giá nội dung thuyết trình và kiểm tra được qui định chi tiết trong Mục 7 của đề cương học phần.

Các vấn đề liên quan đến bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật thi cử được thực hiện theo quy chế học vụ của trường Đại học Kinh tế-Luật, ĐHQG-HCM.

**10. Phụ trách học phần**

Khoa: Quản trị kinh doanh

Bộ môn: Quản lý công

Địa chỉ và email liên hệ: khoaqtkd@uel.edu.vn

**11. Đề cương được cập nhật và biên soạn ngày:** 05/3/2025

**12. Đề cương được thẩm định và thông qua ngày:** 15/3/2025

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2025*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **GIẢNG VIÊN**  **LẬP ĐỀ CƯƠNG**  **A close-up of a signature  AI-generated content may be incorrect.**  **Lê Đức Lãm** | **A signature on a black background  AI-generated content may be incorrect.TRƯỞNG BỘ MÔN**  **Nguyễn Thị Thu Hòa** | **TRƯỞNG KHOA**  A blue letter on a black background  Description automatically generated    **Trần Thị Hồng Liên** |

**PHỤ LỤC 1**

**MỘT SỐ RUBRIC GIẢNG VIÊN TỰ THIẾT KẾ CHO CÁC BÀI ĐÁNH GIÁ**

**1. Rubric 1: Bài tập cá nhân & Quá trình học tập (A1.1, A1.2, A1.3)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tỷ lệ** | **Tiêu chí (gắn Bloom)** | **< 5** | **5 – < 7** | **7 – < 9** | **9 – 10** | **Hình thức đánh giá** |
| 40% | Kiến thức và lập luận (Nhớ – Hiểu – Vận dụng – Phân tích) | Bài làm sơ sài, sai nhiều, không gắn với yêu cầu kiểm soát | Hiểu và trình bày cơ bản, còn hời hợt | Vận dụng hợp lý, phân tích khá rõ, có dẫn chứng | Vận dụng kiến thức sâu rộng, phân tích logic, sáng tạo, toàn diện | A1.2, A1.3 |
| 30% | Kỹ năng thảo luận – trình bày – phản biện | Thụ động, không lập luận | Trình bày cơ bản, còn thiếu tự tin | Diễn đạt rõ ràng, logic, có lập luận | Trình bày lưu loát, lập luận thuyết phục, phản biện linh hoạt | A1.2, A1.3 |
| 30% | Thái độ học tập & chuyên cần (Đạo đức – Trách nhiệm) | Vắng nhiều buổi, không tham gia | Tham gia nhưng thụ động | Tham gia tích cực, đúng giờ | Chủ động, gương mẫu, hợp tác tốt | A1.1 |

**2. Rubric 2:** **Kiểm tra giữa kỳ (A2.1)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tỷ lệ** | **Tiêu chí (gắn Bloom)** | **< 5** | **5 – < 7** | **7 – < 9** | **9 – 10** | **Hình thức đánh giá** |
| 40% | Nội dung kiến thức (Nhớ – Hiểu – Vận dụng – Phân tích) | Nội dung thiếu, sai nhiều, không logic | Trình bày đúng cơ bản, còn thiếu hệ thống | Phân tích hợp lý, có ví dụ minh họa | Nội dung sâu sắc, liên hệ thực tiễn tốt | A2.1 |
| 40% | Kỹ năng trình bày – phối hợp nhóm | Trình bày rời rạc, thiếu hợp tác | Trình bày rõ ràng nhưng chưa hấp dẫn | Trình bày logic, phối hợp khá tốt | Thuyết trình chuyên nghiệp, phối hợp nhịp nhàng | A2.1 |
| 20% | Thái độ – trách nhiệm | Thiếu nghiêm túc, không hoàn thành phần việc | Tham gia mức cơ bản | Có trách nhiệm, nghiêm túc | Gương mẫu, tinh thần trách nhiệm cao | A2.1 |

**3. Rubric 3: Thi cuối kỳ (A3.1)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tỷ lệ** | **Tiêu chí (gắn Bloom)** | **< 5** | **5 – < 7** | **7 – < 9** | **9 – 10** | **Hình thức đánh giá** |
| 40% | Hệ thống kiến thức (Nhớ – Hiểu – Vận dụng – Đánh giá) | Không nắm kiến thức cơ bản | Hiểu cơ bản, còn thiếu khái quát | Hiểu đầy đủ, phân tích hợp lý | Hiểu sâu, phân tích sáng tạo, toàn diện | A3.1 |
| 40% | Kỹ năng phân tích – vận dụng mô hình/công cụ kiểm soát (Vận dụng – Phân tích – Đánh giá) | Bài làm sai nhiều, không biết vận dụng | Vận dụng được ở mức cơ bản | Phân tích hợp lý, lập luận khá tốt | Vận dụng sáng tạo, logic, đề xuất giải pháp phù hợp | A3.1 |
| 20% | Thái độ nghề nghiệp (Đạo đức – Trách nhiệm – Liêm chính) | Thiếu nghiêm túc, nhiều lỗi | Thực hiện ở mức cơ bản | Nghiêm túc, có trách nhiệm | Chuyên nghiệp, liêm chính, gương mẫu | A3.1 |

**PHỤ LỤC 2**

**MỘT SỐ THANG ĐO THIẾT KẾ CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN**

**1. Thang đo đánh giá nhận thức Bloom**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cấp độ miền nhận thức** | **Động từ thường dùng** | **Ví dụ CĐR gắn với học phần** |
| 1. Nhớ (Remember) | Liệt kê, mô tả, nhận diện | Liệt kê các công cụ, phương thức kiểm soát trong quản lý công. |
| 2. Hiểu (Understand) | Giải thích, phân loại, tóm tắt | Giải thích được vai trò, ý nghĩa của kiểm soát trong chu trình QLNN. |
| 3. Vận dụng (Apply) | Áp dụng, minh họa, thực hiện | Áp dụng một số công cụ kiểm soát vào tình huống quản lý giả định. |
| 4. Phân tích (Analyze) | So sánh, phân tách, chỉ ra, đối chiếu | Phân tích hạn chế, bất cập trong hoạt động kiểm soát của CQHC cụ thể. |
| 5. Đánh giá (Evaluate) | Nhận xét, phán đoán, phản biện | Đánh giá hiệu quả của một cơ chế kiểm soát trong thực tiễn. |
| 6. Sáng tạo (Create) | Thiết kế, đề xuất, cải tiến | Đề xuất giải pháp đổi mới phương thức kiểm soát trong quản lý công. |

**2. Thang đo đánh giá kỹ năng Dave (1970)**

| **Cấp độ miền tâm vận động** | **Động từ thường dùng** | **Ví dụ CĐR gắn với học phần** |
| --- | --- | --- |
| 1. Bắt chước (Imitation) | Thực hiện theo, mô phỏng, tái tạo… | Thực hành theo hướng dẫn một bước kiểm soát cơ bản (kiểm tra hồ sơ, thủ tục). |
| 2. Thao tác (Manipulation) | Thực hiện, vận hành, triển khai… | Soạn thảo báo cáo kiểm soát đơn giản dựa trên quy trình mẫu. |
| 3. Chuẩn hóa (Precision) | Hiệu chỉnh, hoàn thiện, kiểm tra… | Thực hiện đúng chuẩn bước phân tích dữ liệu kiểm soát. |
| 4. Phối hợp (Articulation) | Kết hợp, phối hợp, tích hợp… | Phối hợp nhiều công cụ kiểm soát để xử lý một tình huống quản lý. |
| 5. Tự nhiên hóa (Naturalization) | Làm chủ, sáng tạo, thiết kế… | Chủ động xây dựng mô hình kiểm soát mới trong hoạt động QLNN. |

**3. Thang đo đánh giá đạo đức và trách nhiệm (Krathwohl)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bậc Krathwohl** | **Chuẩn đầu ra (CLO – A)** | **Mô tả gắn với học phần** |
| 1. Tiếp nhận (Receiving) | CLO1 – A1.1 | Nhận thức được sự cần thiết của hoạt động kiểm soát trong QLC. |
| 2. Hưởng ứng (Responding) | CLO2 – A1.2, A2.1 | Tham gia tích cực vào thảo luận, bài tập tình huống về kiểm soát công. |
| 3. Hình thành giá trị (Valuing) | CLO2 – A1.3, A2.1 | Coi trọng tính minh bạch, hiệu quả trong các cơ chế kiểm soát. |
| 4. Hệ thống hóa (Organizing) | CLO3 – A2.1, A3.1 | Biết lựa chọn, sắp xếp giá trị kiểm soát để hình thành tư duy hệ thống. |
| 5. Tính cách hóa (Characterizing) | CLO3 – A3.1 | Hình thành thái độ liêm chính, trách nhiệm, nhất quán trong hoạt động kiểm soát công. |

A diagram of a pyramid

AI-generated content may be incorrect.

**PHỤ LỤC 3**

**CHIẾN LƯỢC, PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC (TLMS)**

**VÀ CHIẾN LƯỢC, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ (AMS)**

**1. Chiến lược và phương pháp dạy - học (TLMS)**

| **Chiến lược và phương pháp dạy – học (TLMx)** | **Mô tả** |
| --- | --- |
| **I. Chiến lược dạy học trực tiếp** | |
| TLM1 – Thuyết giảng (Lecture) | GV trình bày trọng tâm: khái niệm, nguyên tắc, vai trò và phương thức kiểm soát trong QLC; SV lắng nghe, ghi chép, đặt câu hỏi làm rõ. |
| TLM2 – Câu hỏi gợi mở (Inquiry) | GV đặt vấn đề tình huống (ví dụ: tại sao kiểm soát thất bại?); SV suy nghĩ – thảo luận – trả lời theo bước để hình thành hiểu biết hệ thống. |
| TLM3 – Giải thích cụ thể (Explicit Teaching) | GV “làm mẫu tư duy kiểm soát”: xác định mục tiêu → xây dựng tiêu chí/chỉ số → thiết kế checklist/phiếu kiểm tra; SV thực hành theo bước. |
| TLM4 – Kỹ thuật minh họa (Demonstration) | GV minh họa quy trình kiểm soát qua biểu mẫu, sơ đồ; SV quan sát – bắt chước – luyện tập thao tác. |
| **II. Chiến lược dạy học dựa vào hoạt động – trải nghiệm** | |
| TLM5 – Trò chơi/thi đua học tập (Game/Competition) | Tổ chức trò chơi ngắn (ví dụ: “phát hiện nhanh sai sót trong văn bản/phiếu kiểm”) để củng cố kiến thức và tăng động lực học tập. |
| **III. Chiến lược dạy kỹ năng tư duy** | |
| TLM9 – Giải quyết vấn đề (Problem Solving) | SV phân tích tình huống thực tế (kiểm soát chi NSNN, kiểm soát TTHC…), xác định lỗi – nguyên nhân – đề xuất giải pháp. |
| TLM10 – Bài tập tình huống (Case Study) | GV giao tình huống thực tiễn, SV phân tích – phản biện – đưa ra quyết định kiểm soát phù hợp. |
| TLM11 – Tập kích não (Brainstorming) | SV nhóm nêu ý tưởng: tiêu chí kiểm soát, công cụ phù hợp, giải pháp cải tiến; tổng hợp thành checklist. |
| **IV. Chiến lược dạy học tương tác** | |
| TLM12 – Thảo luận nhóm (Panel Discussion) | Nhóm phân tích mô hình kiểm soát cụ thể, trình bày kết quả và phản biện chéo với nhóm khác. |
| TLM13 – Học tập hợp tác (Collaborative Learning) | SV phối hợp thiết kế báo cáo kiểm soát, phân vai – hỗ trợ lẫn nhau để hoàn thành sản phẩm chung. |
| **V. Chiến lược dạy học theo hướng nghiên cứu** | |
| TLM14 – Dự án nghiên cứu (Independent Project) | SV nghiên cứu chuyên đề nhỏ (ví dụ: kiểm soát nội bộ trong cơ quan X), thu thập minh chứng – phân tích – báo cáo kết quả. |
| TLM15 – Tiếp cận dựa trên nghiên cứu (Research-based) | GV giao nhiệm vụ “tìm – đọc – trích” văn bản pháp lý về kiểm soát; SV nghiên cứu độc lập, trình bày kết quả. |
| **VI. Chiến lược dạy học dựa vào công nghệ** | |
| TLM18 – Học trực tuyến (E-learning) | Sử dụng LMS để giao/nộp bài tập, tổ chức quiz kiểm soát, SV truy cập tài liệu mọi lúc. |
| TLM19 – Kết hợp trực tiếp – trực tuyến (Blended model) | Kết hợp giảng dạy trên lớp với trực tuyến: thảo luận tình huống trên lớp, nộp báo cáo & phản hồi qua LMS. |
| **VII. Chiến lược tự học** | |
| TLM20 – Bài tập ở nhà (Work Assignment) | SV làm báo cáo/phiếu phân tích kiểm soát, tự tìm tài liệu, quản lý thời gian, nộp sản phẩm để GV phản hồi. |

**2. Chiến lược và phương pháp đánh giá (AMS)**

| **Phương pháp đánh giá** | **Mô tả gắn với học phần** |
| --- | --- |
| **I. Đánh giá theo tiến trình (Formative Assessment)** | |
| AM1 – Đánh giá chuyên cần (Attendant Check) | Sinh viên tham dự đầy đủ, đúng giờ; thể hiện thái độ học tập nghiêm túc, tôn trọng quy định lớp học (A1.1). |
| AM2 – Đánh giá bài tập (Work Assignment) | Hoàn thành bài tập cá nhân/nhóm tại lớp hoặc ở nhà. Nội dung gắn với yêu cầu phân tích tình huống, soạn thảo báo cáo kiểm soát. (A1.3). |
| AM3 – Đánh giá thảo luận, xử lý tình huống (Discussion/Case-based Assessment) | Sinh viên tham gia thảo luận, phân tích tình huống kiểm soát (ví dụ: kiểm soát ngân sách, thủ tục hành chính); thể hiện năng lực phản biện và giải quyết vấn đề (A1.2). |
| **II. Đánh giá tổng kết, định kỳ (Summative Assessment)** | |
| AM4 – Kiểm tra giữa kỳ (Mid-term Test) | Bài kiểm tra kết hợp trắc nghiệm và tự luận ngắn; đánh giá năng lực nắm kiến thức cơ bản và khả năng vận dụng công cụ kiểm soát trong tình huống (A2.1). |
| AM5 – Thi cuối kỳ (Final Exam) | Bài thi viết kết hợp trắc nghiệm và phân tích tình huống; đánh giá toàn diện kiến thức, kỹ năng vận dụng và thái độ nghề nghiệp trong kiểm soát công (A3.1). |

**PHỤ LỤC 4**

**MA TRẬN LIÊN KẾT CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (CLO)**

**VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLO)**

**1. Bảng đối sánh CO – CLO với PO - PLO ngành Quản lý công**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **MÃ HỌC PHẦN** | **TÊN HỌC PHẦN** | **SỐ TÍN CHỈ** | **CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | | | | | | | | | **TỔNG SỐ** |
| **KIẾN THỨC** | | | **KỸ NĂNG** | | | | **MỨC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM** | | |
| **PLO1** | **PLO2** | **PLO3** | **PLO4** | **PLO5** | **PLO6** | **PLO7** | **PLO8** | **PLO9** | **PLO10** |
| BBU402501 | Kiểm soát trong quản lý công | 3 |  |  | x | x |  |  |  |  |  |  | 6 |

**2. Đối sánh CO – CLO với PLO ngành Quản lý công**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CO – CLO** | **PLO ngành** | **Giải thích liên kết** |
| CO1 – CLO1: Hiểu và trình bày được khái niệm, nguyên tắc, vai trò và quy trình kiểm soát trong quản lý công. | PLO3 | Gắn với kiến thức chuyên ngành QLC, giúp SV nắm rõ cơ sở lý luận, nguyên tắc và quy định pháp lý về hoạt động kiểm soát. |
| CO2 – CLO2: Vận dụng công cụ, phương pháp kiểm soát để phân tích, phát hiện hạn chế, bất cập trong quản lý công. | PLO4 | Gắn với kỹ năng phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề trong QLC; giúp SV rèn luyện năng lực xử lý tình huống thực tiễn. |